

Q, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số: 181/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 174/2024/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ: Tòa nhà TPBank, số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Linh G (Giấy ủy quyền số 1078/2024/GUQ-TPB.DR ngày 28/8/2024.

- Bị đơn: Ông Lê XL, sinh năm 1985. Đăng kí HKTT tại: Thôn Năm Trại, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tạm tính đến ngày 04/12/2024, ông Lê XL xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền 472.920.285đ (Bốn trăm bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), cụ thể như sau:

- Dư nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 04819722/2022/HDTD/TTBMB3/02 ngày 05/01/2022 là: 157.222.146đ (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó:

+ Nợ gốc: 119.000.006đ (Một trăm mười chín triệu không trăm linh sáu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 27.020.447đ (Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 9.190.143đ (Chín triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

+ Lãi phạt chậm trả: 2.011.550đ (Hai triệu không trăm mười một nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Nợ các thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ lập ngày 12/10/2021:

+ Dư nợ của Thẻ tín dụng TPBank Visa là: 156.172.234đ (Một trăm năm mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 46.633.305đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm linh năm đồng); Nợ lãi là 109.538.929đ (Một trăm linh chín triệu năm trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

+ Dư nợ của Thẻ tín dụng TPBank JCB là: 159.525.905đ (Một trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm linh năm đồng) trong đó nợ gốc là 43.633.305đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm linh năm đồng); Nợ lãi là 115.892.600đ (Một trăm mười lăm triệu tám trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

2.2. Kể từ ngày 05/12/2024, ông Linh phải chịu lãi phát sinh đối với số tiền còn phải trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 04819722/2022/HDTD/TTBMB3/02 ngày 05/01/2022 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TP Bank kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ lập ngày 12/10/2021, Điều kiện điều khoản chung về cho vay cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP T thì lãi suất mà ông Linh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP T theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP T.

2.3. Ông Lê XL cam kết trả nợ cho Ngân hàng TMCP T theo lộ trình như sau:

- Đến ngày 21/01/2025 ông Linh sẽ thanh toán toàn bộ dư nợ của Thẻ tín dụng TPBank JCB là 159.525.905đ (Một trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm linh năm đồng) như nêu trên.

- Đến ngày 31/3/2025 ông Linh sẽ tất toán toàn bộ dư nợ còn lại gồm:

+ Dư nợ của Thẻ tín dụng TPBank Visa là: 156.172.234đ (Một trăm năm mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tư đồng) như nêu trên.

+ Dư nợ của hợp đồng cho vay từng lần số 04819722/2022/HDTD/TTBMB3/02 ngày 05/01/2022 là 157.222.146đ (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) như nêu trên.

+ Nợ lãi phát sinh từ ngày 05/12/2024 cho đến ngày tất toán như nêu tại mục 2.2 ở trên.

2.4. Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Linh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T theo thỏa thuận nói trên (vi phạm về thời gian trả nợ/số tiền phải trả) thì Ngân hàng TMCP T có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành nghĩa vụ trả nợ của ông Linh đối với Ngân hàng TMCP T.

2.5. Về án phí: Ông Lê XL tự nguyện chịu toàn bộ 11.458.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP T số tiền 11.280.000đ (Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0020240 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

